

Bản án số: 39/2026/HSPT
Ngày 17 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và ông Nguyễn Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2026/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXPT- HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Phạm Thị H, do có kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2026/HSST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên đối với:

1. Bị cáo có kháng cáo: Phạm Thị H, sinh ngày 21/9/1984 tại tỉnh Hưng Yên; Số căn cước công dân: 034184012802, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nơi cư trú: thôn S, xã V, tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị L; bị cáo có chồng là Trần Văn K, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/8/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 - Công an tỉnh H, có mặt.

2. Bị hại: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: Số A đường T, phường T, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn S - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975 - Nhân viên Văn phòng công ty. Địa chỉ: số A đường T, phường T, tỉnh Hưng Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/7/2024, Phạm Thị H được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) quyết định tuyển dụng vào làm việc tại vị trí kế toán tổng hợp của công ty. Đến tháng 11/2024 do chị Tiêu Thu H2, sinh năm 1992, trú tại ngõ F, đường Q, phường T, tỉnh Hưng Yên là kế toán của công ty và kiêm nhiệm công việc Admin kinh doanh vùng 2 (công việc của chị H2 là chịu trách nhiệm theo dõi tiền hàng và làm phiếu xuất kho của vùng 2) nghỉ chế độ thai sản nên Công ty đã phân công cho H kiêm nhiệm công việc Admin kinh doanh vùng 2 thay thế chị H2, lúc này, công việc của H bao gồm: Nhận đơn hàng thị trường kiểm tra đối chiếu chính sách bán hàng hiện hành; Kiểm soát, chỉnh sửa đơn hàng nếu có sai sót báo lại nhân viên lên đơn, kiểm tra báo tiền hàng cho bộ phận kế toán; Ra phiếu xuất kho sau khi cán bộ nhân viên công ty đã chuyển khoản tiền về tài khoản công ty. Thời điểm này, anh Đặng Văn H1, sinh năm 1985, cư trú tại thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn N, xã T, tỉnh Phú Thọ) là giám đốc kinh doanh của Công ty T1 chi nhánh tại tỉnh Vĩnh Phúc trực tiếp quản lý kho hàng tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) thuộc vùng 2 mà H theo dõi. Hằng ngày, anh H1 tổng hợp tiền đơn hàng của khách, sau đó chuyển tiền về tài khoản ngân hàng của Công ty Cổ phần T1 tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên). Theo quy định của công ty thì khi tài khoản của công ty nhận được tiền hàng thì A kinh doanh vùng mới được xuất phiếu xuất kho. Sau khi nhận thêm nhiệm vụ mới, do cần tiền chi tiêu cá nhân H đã đưa ra thông tin gian dối với anh H1 về nội dung “*Chủ trương của bác Chủ tịch là tiền hàng của các đơn hàng khách chuyển đến cho anh thì anh chuyển vào tài khoản của A vùng (tài khoản ngân hàng của H) và A vùng sẽ có trách nhiệm chuyển tiền về công ty, sau đó công ty sẽ xuất phiếu xuất kho*”. Do tin tưởng H là Admin phụ trách của vùng nên anh H1 đã tin tưởng thông tin H đưa ra là thật và làm theo. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025 anh H1 đã nhiều lần chuyển tiền hàng của công ty vào các tài khoản ngân hàng do H cung cấp với tổng số tiền là 267.862.250 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng). Sau khi nhận được tiền hàng của công ty từ anh H1, H không kiểm tra báo tiền hàng cho bộ phận kế toán của công ty, không chuyển lại số tiền trên vào tài khoản của công ty mà tự ý làm phiếu xuất kho chuyển cho anh H1. Số tiền chiếm đoạt được của Công ty Cổ phần T1, H đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Cáo trạng số 91/CT-VKS-KV5 ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2026/HSST ngày 22/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/02/2026 bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người đại diện của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo H đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung và tiền án phí sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giao nộp tài liệu thể hiện ông ngoại bị cáo được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên kháng cáo của bị cáo có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại làm trong hạn luật định là hợp pháp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: mặc dù không được Công ty T1 giao nhiệm vụ thu và quản lý tiền hàng nhưng Phạm Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối mục đích để chiếm đoạt tài sản của Công ty bằng cách đưa ra thông tin không có thật cho anh Đặng Văn H1 giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh của Công ty tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) về việc “Chủ trương của Chủ tịch Công ty Cổ phần T1 là tiền hàng của các đơn hàng khách chuyển đến cho anh H1, anh H1 phải chuyển vào tài khoản của A vùng (tài khoản ngân hàng của Phạm Thị H), còn A vùng sẽ có trách nhiệm chuyển tiền hàng về tài khoản của Công ty”. Khi đó, H đang là A vùng phụ trách việc theo dõi tiền hàng và làm phiếu xuất kho của vùng 2 nơi anh H1 làm việc nên anh H1 đã tin tưởng là thật. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025, anh H1 đã chuyển cho H tổng số tiền là 267.862.250 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng), H đã chiếm đoạt và sử dụng hết số tiền này để

chi tiêu cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và người đại diện của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy: khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả của hành vi phạm tội để quyết định mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù, cách ly khỏi đời sống xã hội là có cơ sở và đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bản thân bị cáo đã thực sự hối lỗi, đã thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho phía bị hại; sau khi xử sơ thẩm bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tại cấp phúc thẩm, bị cáo giao nộp bổ sung tài liệu thể hiện ông ngoại bị cáo được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và đã tác động đến gia đình để thi hành khoản tiền nộp phạt bổ sung cũng như tiền án phí sơ thẩm, chứng tỏ bị cáo là người thực sự ăn năn, hối cải, có ý thức chấp hành pháp luật, đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được cấp sơ thẩm áp dụng nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện bị hại, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2026/ HSST ngày 22/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên về hình phạt. Cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2025.
3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (17/4/2026).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Trại Tạm giam số 2 - CA tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền